

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 17-12-2024
V/v: “*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn;

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2024/TLPT- HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/HNGĐ-ST, ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2024/QĐ-PT, ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mai T, sinh năm 1993; địa chỉ: 3 N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu H; địa chỉ: A A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Bảo H1, sinh năm 1991; địa chỉ: 1 N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Bùi Bảo H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, bà Trần Thị Mai T và ông Bùi Bảo H1 là vợ chồng. Do xảy ra mâu thuẫn, bất hòa thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Tình cảm không thể hàn gắn vì thế cả hai đã ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo Quyết định số 04/2024/QĐST-HNGĐ về việc Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 02/01/2024.

Trong thời kì hôn nhân, bà Trần Thị Mai T và ông H1 có tài sản chung là thửa đất số 251, tờ bản đồ số 54, có diện tích 239.4m², địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 856571, do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/4/2022 mang tên hộ ông Bùi Bảo H1 và bà Trần Thị Mai T. Nhưng bà Trần Thị Mai T và ông H1 không thể thống nhất phân chia được tài sản chung là thửa đất nói trên. Nguồn gốc thửa đất là do bà nội là Nguyễn Thị H3 có tặng cho ông Bùi Bảo H1 vào năm 2019 và sau này năm 2022 tài sản này đứng tên của ông H1 và bà T. Tài sản trên đất là căn nhà do hai vợ chồng tạo dựng nên.

Nay bà Trần Thị Mai T yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản sau ly hôn là Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 54, có diện tích 239.4m², địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 856571 và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn ông Bùi Bảo H1 trình bày:

Trước đây tôi và bà Trần Thị Mai T là vợ chồng. Do xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định số 04/2024/QĐST-HNGĐ về việc Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 02/01/2024. Khi ly hôn về tài sản chung thì chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà T có đơn chia tài sản chung là Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 54, có diện tích 239.4m², địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 856571 thì tôi không đồng ý. Vì:

Nguồn gốc thửa đất số 251, tờ bản đồ số 54, có diện tích 239.4m², địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là do bà nội của tôi là Nguyễn Thị H3, sinh năm 1964 địa chỉ tại 1 N, thành phố B có tặng cho tôi vào năm 2019. Sau đó tôi đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2022, do muốn vợ chồng hòa thuận nên tôi đồng ý để bà T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Hiện tài sản chung trên đất là căn nhà cấp 4, tôi và bà T cùng xây dựng. Nay bà T yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, thì tôi đồng ý chia đôi giá trị tài sản chung là căn nhà cấp 4, còn giá trị của quyền sử dụng đất thì tôi không đồng ý, vì đất do tôi được cho tặng riêng nên là tài sản của riêng tôi không phải là tài sản chung mà vợ chồng tạo lập nên.

3. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2024/HNGĐ-ST, ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 29, 33, 34, 37, 38, 46 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Mai T.

- Giao cho ông Bùi Bảo H1 được quyền quản lý và sử dụng:

+ Thừa đất số 251, tờ bản đồ số 54, có diện tích 239.4m², địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 856571 mang tên bà Trần Thị Mai T và ông Bùi Bảo H1. Trị giá 1.800.000.000 đồng.

Thừa đất có tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường đi dài 6m; phía tây giáp thửa đất 200 dài 40m; phía đông giáp thửa đất 252 dài 40m; phía nam giáp thửa đất 252 dài 6m.

+ Tài sản trên đất gồm 11 cây cau giá trị 402.700 đồng; 1 cây dừa giá trị 766.200 đồng; 1 căn nhà cấp 4 diện tích 87,36m² giá trị 240.254.567 đồng; 1 chuồng chó 4m² giá trị 1.863.600 đồng; sân lát gạch 62,04m² giá trị 9.724.770 đồng; tường gạch và trụ cổng giá trị 4.499.875 đồng. Tổng trị giá tài sản trên đất 257.511.712 đồng.

- Ông Bùi Bảo H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Mai T tổng số tiền 848.755.856 đồng (T1 trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn, tám trăm năm mươi sáu đồng), là giá trị phần tài sản mà bà T được nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Ông Bùi Bảo H1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2024, bị đơn ông Bùi Bảo H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với nội dung: ông H1 chỉ đồng ý chia đôi tài sản chung là căn nhà cấp 4 trên đất. Diện tích đất là tài sản riêng của ông H1 nên ông H1 không đồng ý chia giá trị tài sản này cho bà T.

Ngày 22/10/2024, ông H1 làm đơn bổ sung ý kiến về việc kháng cáo: về căn nhà ông H1 đề nghị Tòa án chia thành 03 phần: ông H1, con chung và bà T mỗi người một phần. Về diện tích đất là tài sản riêng của ông H1 nên ông H1 không đồng ý chia giá trị tài sản này cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Bùi Bảo H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Bảo H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 183/2024/HNGĐ-ST, ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có

kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Bảo H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Đối với thửa đất số 251, tờ bản đồ số 54, có diện tích 239.4m², địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 856571, do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/4/2022 mang tên hộ ông Bùi Bảo H1 và bà Trần Thị Mai T. Tài sản này có nguồn gốc là do bà nội của ông H1 tặng cho ông H1 năm 2019. Ngày 29/3/2022 ông H1 lập văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng của mình vào tài sản chung đã được phòng C chứng nhận. Tại thời điểm ông H1 lập văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng của mình vào tài sản chung thì ông H1 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết văn bản thỏa thuận của ông H1 là sự tự nguyện. Ông H1 kháng cáo cho rằng ông bị bà T dùng thủ đoạn hòng chiếm đoạt tài sản của ông nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà T dùng thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của ông. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của ông H1, bà T trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ. Bản án sơ thẩm xác định công sức của ông H1 đối với thửa đất là nhiều hơn và chia giá trị thửa đất này cho ông H1 06 phần, bà T 04 phần là phù hợp. Nên kháng cáo của ông H1 không đồng ý chia tài sản là quyền sử dụng đất cho bà T là không có căn cứ.

[1.2] Đối với phần tài sản là nhà ở cấp 4 và các tài sản khác gắn liền trên đất gồm 11 cây cau; 1 cây dừa; 1 chuồng chó; sân lát gạch 62,04m²; tường gạch và trụ cổng. Ông H1 và bà T đều thừa nhận đây là tài sản chung của hai vợ chồng cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông H1 kháng cáo yêu cầu chia giá trị tài sản này thành 03 phần cho: ông H1, bà T, con chung. Ông H1 cho rằng bà T không chu cấp cho con chung nên con chung được hưởng một phần giá trị tài sản này. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của ông H1, bà T còn nhỏ, chưa có công sức đóng góp vào giá trị tài sản chung. Mặt khác, đối với cấp dưỡng nuôi con chung tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ông Bùi Bảo H1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp ông H1 yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung thì ông H1 được quyền khởi kiện thành vụ án khác. Do các tài sản này được ông H1 và bà T cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên Bản án sơ thẩm chia đôi là phù hợp.

[1.3] Như đã phân tích ở mục [1.1] và mục [1.2], Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bùi Bảo H1. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 183/2024/HNGĐ-ST, ngày 12/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Bùi Bảo H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Bảo H1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 183/2024/HNGĐ-ST, ngày 12/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 29, 33, 34, 37, 38, 46 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Mai T.

- Giao cho ông Bùi Bảo H1 được quyền quản lý và sử dụng:

+ Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 54, có diện tích 239.4m², địa chỉ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 856571 mang tên bà Trần Thị Mai T và ông Bùi Bảo H1. Trị giá 1.800.000.000 đồng.

Thửa đất có tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường đi dài 6m; phía tây giáp thửa đất 200 dài 40m; phía đông giáp thửa đất 252 dài 40m; phía nam giáp thửa đất 252 dài 6m.

+ Tài sản trên đất gồm 11 cây cau giá trị 402.700 đồng; 1 cây dừa giá trị 766.200 đồng; 1 căn nhà cấp 4 diện tích 87,36m² giá trị 240.254.567 đồng; 1 chuồng chó 4m² giá trị 1.863.600 đồng; sân lát gạch 62,04m² giá trị 9.724.770 đồng; tường gạch và trụ cổng giá trị 4.499.875 đồng. Tổng trị giá tài sản trên đất 257.511.712 đồng.

- Ông Bùi Bảo H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Mai T tổng số tiền 848.755.856 đồng (T1 trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn, tám trăm năm mươi sáu đồng), là giá trị phần tài sản mà bà Trần Thị Mai T được nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Ông Bùi Bảo H1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mai T phải chịu 37.950.234 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0005260 ,ngày 29/01/2024. Bà Trần Thị Mai T còn phải nộp 32.950.234 đồng

Ông Bùi Bảo H1 phải chịu 48.262.675 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Bùi Bảo H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng mà ông Bùi Bảo H1 đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013715, ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Mai T nộp 3.000.0000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, được khấu trừ số tiền đã nộp tại Toà án để chi phí.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuần